

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2023
V/v “Tranh chấp không công
nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Thi
2. Bà Phạm Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Quốc C**, sinh năm 1978. Đăng ký thường trú: Số 171/25/1 Nguyễn An Ninh, tổ 58, khu phố 8, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tạm trú: Khu vực T, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn **Bùi Thị T** trình bày:

Vào năm 2008, sau một thời gian quen biết, chị và anh Phạm Quốc C tự nguyện chung sống với nhau, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, thường bất hòa về tình cảm do không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi nhau. Anh chị đã cố gắng hòa hợp nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Xét thấy không còn tình cảm và không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay chị xin không công nhận quan hệ vợ chồng với anh C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai đề ngày 02/6/2023 và quá trình giải quyết, bị đơn anh Phạm Quốc C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình hôn nhân, anh chị chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, có những cự cãi nhỏ trong gia đình kéo dài đến đầu năm 2019 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau về tình cảm và tiền bạc trong gia đình nên thường xuyên cãi nhau nên mất hạnh phúc. Anh chị nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã ly thân từ đó đến nay. Nay không thể hàn gắn nên anh đồng ý yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị T.

Về con chung: Thống nhất không có.

Về tài sản chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất không có.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.

- Bị đơn giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Quốc C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng không có đăng ký kết

hôn nên xác định đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị T khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh C nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Ô Môn, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C chung sống như vợ chồng năm 2008 và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh C thống nhất cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, quá trình chung sống, có những cự cãi nhỏ trong gia đình kéo dài đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, không tin tưởng nhau về tình cảm và tiền bạc trong gia đình, thường xuyên cãi nhau nên mất hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ giữa năm 2018 đến nay, không ai quan tâm ai. Vì vậy, chị T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh C, anh C cũng thống nhất với yêu cầu của chị T.

Xét thấy, trong khoảng thời gian anh chị chung sống với nhau như vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy chị T yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với anh C và anh C cũng đồng ý là phù hợp. Do đó, yêu cầu của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh C thống nhất không có.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh C đều thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 7 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 8, 9 và 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Quốc C.

- Về con chung: Chị T và anh C thống nhất không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003565 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận chị T đã nộp xong).

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo bản án để xin Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Lê Thị Thúy Hằng